

Bản án số: 75/2022/HS-ST

Ngày: 29-11-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoan
2. Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2022/TLST-HS ngày 21/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 15/11/2022, đối với các bị cáo:

1. **Đặng Văn T**, sinh năm 1989; nơi sinh và cư trú: thôn X, xã K, huyện T2, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Duy T3 và bà Trần Thị S; có vợ là Nguyễn Thị H và có 04 con; tiền án, tiền sự: chưa; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Xuân T1**, sinh năm 1995; nơi sinh và cư trú: thôn X1, xã X2, huyện T2, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Tăng Thị L; có vợ là Trần Thu H và có 01 con; tiền án, tiền sự: chưa; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đinh Văn V, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn T4, xã X2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Hồng T5, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn X1, xã X2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1995, địa chỉ: Khu 4 Thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1993, địa chỉ: Khu 4 Thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1998, địa chỉ: Khu 3 Thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu 3 Thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đinh Văn V1, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn A1, xã K, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn D2, xã C2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Bùi Duy L2, sinh năm 1993, địa chỉ: 135 Nguyễn Viêt X3, phường B, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Thành C1, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn L4, xã C2, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 2002, Địa chỉ: thôn V2, xã H4, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Minh H5, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn A1, xã K, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đặng Thái H6, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn A1, xã K, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Doãn T9, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn T10, xã A5, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị Kim L6.

(Tại phiên tòa, người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/01/2020 đến ngày 15/11/2020, Đặng Văn T đã mở quán Cầm đồ, hỗ trợ tài chính ở khu 4, Thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Hải Dương để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Để quản lý các quán cầm

đồ, hỗ trợ tài chính, Đặng Văn T đã mua bản quyền sử dụng phần mềm quản lý trên website “mecash.vn” với tài khoản “anhthang86”. Sau đó, T thuê Nguyễn Xuân T1 làm quản lý quán cầm đồ, giao T1 tài khoản phần mềm để theo dõi việc cho vay, thu lãi của người vay. T quy định lãi suất cho vay của quán là từ 2000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 6000 đồng/1 triệu/1 ngày (chỉ một số trường hợp thân quen thì T mới cho vay lãi suất dưới 3000 đồng/1 triệu/1 ngày). Thời gian đóng lãi 1 tháng 1 lần. Thông thường khi khách đến vay tiền thì T1 gọi điện thông báo cho T biết để T quyết định xem có cho khách vay tiền hay không và lãi suất vay. Sau khi được sự đồng ý của T thì T1 sẽ yêu cầu khách viết giấy biên nhận vay tiền thể hiện thông tin người vay, ngày vay, số tiền vay nhưng không ghi cụ thể lãi suất. Sau khi giao tiền cho khách thì T1 sẽ nhập thông tin về việc cho khách vay tiền vào tài khoản trên phần mềm Mecash để theo dõi, quản lý. Đến kỳ đóng lãi người vay sẽ đến quán đưa tiền trực tiếp cho T1. Người nào chậm trả thì T1 sẽ gọi điện nhắc. Số tiền lãi hoặc tiền gốc thu được tại quán thì vào ngày cuối tháng T sẽ chốt sổ với T1.

Quá trình điều tra đã làm rõ được 14 người vay tiền tương ứng với 19 hợp đồng, trình bày có vay tiền tại quán cầm đồ của T và T1 với lãi suất cao trên mức quy định của Bộ Luật dân sự, tổng số tiền cho vay là 196.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính là 89.701.068đ.

Tại Bản cáo trạng số 66/CT-VKSHD-TH ngày 19/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Xuân T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo trình bày hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả, đồng thời còn xác định lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng, đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của họ để xác định số tiền nợ gốc chưa trả trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Xuân T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo T từ 70-90 triệu đồng; xử phạt bị cáo T1 từ 60-80 triệu đồng. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu sung quỹ nhà nước 156.000.000đ tiền gốc T cho vay và đã thu hồi được.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền nợ gốc từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho T, tổng là 40.000.000đ.

- Buộc bị cáo T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi thu vượt quá quy định của pháp luật, tổng = 89.701.068 đồng.

- Truy thu của Đặng Văn T số tiền lãi thu theo quy định pháp luật = 12.284.932 để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của Nguyễn Xuân T1 35 triệu đồng (tiền công mà T1 được nhận trong thời gian làm thuê cho T) để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng đã thu giữ, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/01/2020 đến ngày 15/11/2020, Đặng Văn T, Nguyễn Xuân T1 đã mở quán Cầm đồ, hỗ trợ tài chính ở khu 4, Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và cho 14 người vay, tương ứng với 19 hợp đồng vay lãi suất cao trên mức quy định của Bộ luật dân sự (thấp nhất 109,5%/1 năm, cao nhất 219%/1 năm). Tổng số tiền cho vay là 196.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 89.701.068đ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Đây là vụ án đồng phạm, trong đó: Bị cáo T là người chủ mưu, chỉ đạo, điều hành chung hoạt động cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính để hưởng lợi; toàn bộ số tiền gốc cho vay nặng lãi đều là của T nên T giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T1 là người giúp sức đắc lực cho T trong việc cho vay nặng lãi, T1 là người đứng ra thuê địa điểm mở quán cho vay nặng lãi giúp T, trực tiếp làm việc với khách hàng, theo dõi hoạt động vay trả nên T1 là người thực hành tích cực.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, cả hai bị cáo chưa từng bị kết án, các bị cáo chỉ bị truy tố, xét xử về tội ít nghiêm trọng, nên hai bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi đánh giá vai trò, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yếu tố nhân thân của mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất hành vi, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền gốc 196 triệu đồng mà bị cáo T sử dụng cho 14 người vay nặng lãi, xét đây là công cụ phạm tội của bị cáo nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã thu về số tiền gốc 156 triệu đồng nên cần truy thu từ bị cáo T số tiền này.

Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho T: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hiện nay ông Tường còn nợ tiền gốc vay là 10 triệu đồng, anh Dương nợ tiền gốc vay là 25 triệu đồng; chị Thúy còn nợ tiền gốc vay là 5 triệu đồng. Do đó cần truy thu số tiền này từ người vay để sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

[7.2] Đối với khoản tiền lãi 89.701.068 đồng mà bị cáo T thu của 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần trả lại cho người vay (có danh sách cụ thể tại phần Quyết định của bản án).

[7.3] Đối với số tiền lãi 12.284.932 đồng không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, mà bị cáo T đã thu của 14 người vay. Đây là số tiền bị cáo có được từ việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[7.4] Đối với tiền công 35 triệu đồng mà bị cáo T1 đã được trả khi làm thuê cho T tại quán cầm đồ, hỗ trợ tài chính, xét đây là tiền có được từ việc phạm pháp nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết vì không thu giữ vật chứng gì.

[9] Đối với các hợp đồng vay chưa làm việc được, hoặc đã làm việc được nhưng người có thông tin trong dữ liệu phần mềm quản lý việc cho vay xác định

không vay tiền của T, T1, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Chị Nguyễn Thị Kim L6 không biết mục đích các bị cáo thuê nhà để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng nên không có căn cứ để xử lý.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35; khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Xuân T1 phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 70 (bảy mươi) triệu đồng. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 60 (sáu mươi) triệu đồng

3. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền 156.000.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu đồng) của bị cáo Đặng Văn T sung quỹ nhà nước.

- Truy thu sung quỹ nhà nước tiền nợ gốc chưa trả từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau: Ông Nguyễn Văn T7 10.000.000đ (mười triệu đồng); anh Nguyễn Xuân D 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); chị Nguyễn Thị Thúy 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Đặng Văn T trả lại tiền thu lợi bất chính (khoản lãi vượt quá mức lãi suất tối đa mà pháp luật quy định) cho 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tổng = 89.701.068đ. Cụ thể số tiền trả cho từng người như sau:

STT	Họ và tên người được trả	Số tiền được trả
1	Đình Văn V	2.212.329 đồng
2	Lê Hồng T5	2.562.671 đồng
3	Nguyễn Văn L1	3.953.288 đồng
4	Nguyễn Văn T6	18.136.986 đồng
5	Nguyễn Công M	3.436.438 đồng
6	Nguyễn Văn T7	13.361.644 đồng
7	Đình Văn V1	12.036.986 đồng
8	Nguyễn Xuân D	7.026.849 đồng

9	Bùi Duy L2	10.587.329 đồng
10	Nguyễn Thành C1	2.829.795 đồng
11	Nguyễn Thị Thúy	1.341.096 đồng
12	Nguyễn Minh H5	6.510.959 đồng
13	Đặng Thái H6	3.142.027 đồng
14	Nguyễn Doãn T9	2.562.671 đồng

- Truy thu của Đặng Văn T 12.284.932 đồng (mười hai triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của Nguyễn Xuân T1 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Xuân T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Hà;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện Thanh Hà;
- Cơ quan Thi hành án hình sự -Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung